

Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG CỦA GIÓ (PHONG) VÀ CÁC BIỂU THỨC CHỨA GIÓ TRONG TRUYỆN KIỀU

THS ĐANG THI THU HIỀN

1. Đặt vấn đề

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã được nghiên cứu với quy mô đáng kinh ngạc từ các góc độ: phê bình văn học, văn hoá học, mỹ học, văn bản học, Hán Nôm học, thi pháp học, phong cách học, thậm chí cả triết học... Nhưng “*Truyện Kiều* nói mãi không cùng” [5]. Bởi lẽ thế giới nghệ thuật và thế giới ngôn từ của *Truyện Kiều* rộng lớn và vô cùng đặc sắc. Và, có lẽ, còn bởi ngôn từ nghệ thuật của Nguyễn Du không chỉ có khả năng biểu vật, biểu niệm mà còn có sức lắng đọng, hội tụ và ẩn giấu nhiều lớp ý nghĩa sâu xa. Đọc *Truyện Kiều*, có cảm tưởng như đang được ngắm nhìn một mạng lưới ngôn từ đặc biệt mà có những mắt lưới đột nhiên sáng lấp lánh như mê hoặc, như hút hồn độc giả. Ở mỗi điểm sáng ấy, người đọc lại phát hiện ra một tín hiệu thẩm mỹ có giá trị cao trong việc tạo nên thế giới muôn màu của *Truyện Kiều*.

Bài viết này tìm hiểu về ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ *gió/phong* và các biểu thức (BT) chứa *gió/phong* trong *Truyện Kiều* với mong muốn góp thêm một tiếng nói nhỏ tri ân tấm lòng và tài năng Nguyễn Du.

2. Kết quả khảo sát

2.1. Tần số sử dụng

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã 49 lần dùng từ *gió* và 21 lần dùng âm Hán Việt đồng nghĩa với *gió* là *phong*, tổng cộng là 70 lượt sử dụng:

BT <i>gió</i>	49/ 70 lần	= 70%
BT <i>phong</i>	21/ 70 lần	= 30%

Cũng giống như hầu hết các trường hợp khác, tương quan giữa một từ thuần Việt và một âm Hán Việt đồng nghĩa với nó trong *Truyện Kiều* luôn có sự chênh lệch: bao giờ tần số sử dụng các từ thuần Việt cũng nhiều hơn so với các âm Hán Việt tương ứng. Nguyễn Du chỉ sử dụng các từ vay mượn gốc Hán trong những trường hợp thật cần thiết. Điều này cũng đã được lí giải trong nhiều công trình nghiên cứu *Truyện Kiều*: Sờ dĩ có hiện tượng đó là bởi các từ thuần Việt “là hình ảnh của sự vật khách quan trực tiếp và tức khắc” [4] tác động ngay tới nhận thức của người tiếp nhận mà không cần phải qua một khâu “phiên dịch” trung gian nào (kiểu như: *phong* có nghĩa là *gió*). Mặt

khác, “các từ thuần Việt cấp cho ta những hình ảnh quen thuộc giản dị, sinh động, có màu sắc và có sức sống của hiện thực khách quan; trái lại, các từ Hán Việt cấp cho ta những khái niệm im lìm không màu sắc, không có sự vận động, mang hình ảnh những khái niệm vĩnh viễn của thế giới ý niệm” [4, 295]. Vì vậy, mỗi khi cần miêu tả một cảnh thực và cụ thể, Nguyễn Du dùng từ thuần Việt; còn khi cần đề cập tới những vấn đề có tính triết lí, trừu tượng hay cần một diễn đạt mang sắc thái trang trọng thì ông lại dùng từ Hán Việt. Các BT chứa *phong* trong *Truyện Kiều* thường biểu thị triết lí nhân sinh của tác giả, như: *phong trần, phong ba, phong vận, phong sương...* hoặc đúc kết về bản chất của nhân vật, như: *phong tình, phong nhã, phong lưu, phong lối...* Số lần sử dụng của các BT này tuy hạn chế nhưng ý nghĩa biểu trưng của chúng lại mang tầm khái quát cao và có sức gợi mở, liên tưởng sâu xa.

2.2. Ý nghĩa biểu trưng của các BT chứa *gió/ phong* trong *Truyện Kiều*

Gió vốn là một hiện tượng, một sự vật thuộc về thiên nhiên, cũng như trăng, hoa, cỏ, mưa, nắng... Nhưng trong *Truyện Kiều*, thiên nhiên cũng trở thành một thứ ngôn ngữ đặc biệt - ngôn ngữ diễn đạt tâm trạng bằng hình ảnh. Nói cách khác, thiên nhiên trong *Truyện Kiều* đã trở thành một hệ thống kí hiệu thứ hai sau hệ thống kí hiệu thứ nhất là từ ngữ. Điều này đã được chính Nguyễn Du xác nhận và nêu thành nguyên lí:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*

Trong *Truyện Kiều*, các BT chứa *gió* không chỉ có ý nghĩa biểu trưng thiên nhiên hay tâm trạng nhân vật, mà hơn thế, chúng còn mở rộng phạm vi, biểu đạt cả những cung bậc của chuyện yêu đương trai gái, những biến cố/ tình huống truyện và cả ý nghĩa khái quát biểu thị “cõi người ta” - cõi nhân thế (cuộc đời). Cụ thể như sau:

Stt	Ý nghĩa biểu trưng	Số lần	Tỉ lệ %
1	Thiên nhiên - Không gian	18	25.7
2	Thiên nhiên - Thời gian	3	4.3
3	Con người (tâm trạng, cá tính, linh hồn...)	11	15.7
4	Tình yêu/ chuyện yêu đương	14	20
5	Biến cố/ tình huống truyện	17	24.3
6	Cuộc đời	7	10

2.2.1. *Gió* của thiên nhiên *Truyện Kiều*

Sở dĩ chúng tôi phải hạn định cụ thể đối tượng *gió* ở đây với tư cách

là một thành tố cấu thành nên thiên nhiên trong *Truyện Kiều* chứ không phải thiên nhiên nói chung trong thực tế khách quan là bởi một lẽ: thiên nhiên nói chung và không gian, thời gian

nói riêng trong *Truyện Kiều* mang những đặc tính đặc biệt, đậm màu sắc nhân sinh quan, thế giới quan của tác giả. Đó là một thiên nhiên vừa có tính cụ thể, sinh động lại vừa mang tầm khái quát triết lí, hay, nói như Phan Ngọc [4], “nó vừa hết sức chính xác lại vừa mang sắc thái muôn đời” Trong bức tranh thiên nhiên ấy, nổi lên hai yếu tố quan trọng là “không gian lưu lạc” và “thời gian định mệnh” (chữ dùng của Trần Đình Sử, [5]). Các BT chứa *gió* tham gia vào việc biểu đạt cả hai yếu tố đặc biệt này.

Gió có mặt trong mọi khung cảnh thơ mộng, tươi sáng hay khổ đau, tăm tối của đời Kiều với 18 BT. Điều đáng chú ý là trong số 18 lần xuất hiện ấy, chỉ có 3 lần *gió* biểu thị sắc thái tươi vui: *gió mát trắng trong* (câu 455 vào đêm Kim Kiều đính ước); *gió quang mây tạnh* (câu 2063 - khi Thuý Kiều ở chùa cùng vãi Giác Duyên); và *gió mát trắng thanh* (câu 2165 - Kiều gặp Từ Hải). Trong các BT này, yếu tố miêu tả đi kèm *gió* là những đặc tính mang tính tích cực (*mát, quang*) và các sự vật sóng đôi với *gió* cũng có tính chất tươi sáng, thanh nhàn: *trắng thanh, trắng trong, mây tạnh*. Tiếc thay, đó chỉ là những khoảnh khắc dừng chân ngắn ngủi trong suốt 15 năm lưu lạc dang dở của đời Kiều.

Gió chủ yếu vẫn là một thực thể thuộc về “không gian lưu lạc” bởi bản chất dịch chuyển liên tục, không ngừng nghỉ vốn có của nó. Ngay từ đầu tác phẩm đã xuất hiện một *trận gió cuốn* cờ làm cho ào ào đổ lốc rung cây hiểm thấy giữa tiết trời thanh minh, trong ngày hội xuân *nô nức yến anh* như một “điềm gở” báo trước phong ba

sau này. Cùng ngày, cũng ngọn gió “cô hồn” ấy đã trở lại với Kiều trong lúc chấp chờn, mộng mị gặp Đạm Tiên:

Gió đâu sịch bức màn mình

Tình ra mới biết rằng mình chiêm bao

Kể từ ấy trở đi, không gian *Truyện Kiều* bị khuấy động bởi *gió*: *gió chiều như giục cơn sầu, gió giục mây vẩn, gió cuốn mặt duềnh, gió cây trút lá, gió lọt song đào, gió cao,...* Hầu hết các yếu tố miêu tả đặc tính của *gió* đều là các động từ/ tính từ mạnh, tô đậm ấn tượng về những cơn cuồng phong, giông bão có sức công phá, huỷ diệt lớn. Đặc điểm này của các BT chứa *gió* có tính ứng đối với đặc điểm nhỏ nhoi, mong manh, lênh đênh vô định của các BT biểu thị số phận con người trong *Truyện Kiều* như: *mặt nước cánh bèo, chiếc bách sóng đào, hoa trôi giữa dòng, chút phận bọt bèo,...* Ý niệm về một “không gian lưu lạc” trong *Truyện Kiều* có lẽ cũng xuất phát từ sự ứng đối này.

Thời gian trong *Truyện Kiều* luôn luân chuyển, vận động không ngừng như bánh xe định mệnh cứ quay tròn mãi. Trong quãng dằng dặc của “thời gian định mệnh” ấy, *gió* cũng tham gia vào biểu thị những khúc đoạn thẳng trầm với 3 BT: *rày gió mai mưa, ngày gió đêm trăng, cử gió tuần mưa*. Với cấu trúc sóng đôi - xen kẽ của các danh từ chỉ thời gian (*rày, mai, ngày, đêm, cử, tuần*) và các danh từ chỉ sự vật (*gió, trăng, mưa*), các BT này mang sắc thái biểu cảm của sự biến thiên không ngừng, sự chuyển dịch “vật đổi sao dời”, rất phù hợp với tính chất tự sự của tác phẩm, đồng thời cũng phản ánh được những bất

trắc, bất an của cuộc đời luôn rình rập con người trên mỗi bước đường đi tìm hạnh phúc.

2.2.2. *Gió* - hoá thân của con người trong *Truyện Kiều*

Nghiên cứu *Truyện Kiều*, có người đã đi tìm mối tương quan giữa *Kinh Dịch* và *Truyện Kiều* và phát hiện ra một số nhân vật chính của tác phẩm lại ứng với các quẻ trong *Dịch*. Trong đó, Thuý Kiều ứng với quẻ Tốn hay còn gọi là Phong, có tượng là gió. Do vậy, “mệnh vận cả đời Kiều gắn liền với gió, bao nhiêu gió trong *Truyện Kiều* hình như thổi dồn vào đời Kiều, đây cô gái ngây thơ phong gấm vùi dập xuống bùn nhơ” [6]. Những suy luận này có thể chỉ là phỏng đoán. Nhưng có một thực tế không thể phủ nhận đó là trong *Truyện Kiều* có 11 BT chứa *gió* gắn liền với sự xuất hiện của nhân vật, miêu tả phẩm chất của nhân vật hoặc là hiện thân của chính họ.

Nhân vật đầu tiên xuất hiện cùng với gió, hóa thân vào gió là Đạm Tiên: một lần tại nấm mồ vô chủ của nàng (*đề chùng ngọn gió lần theo/ Dấu giày từng bước in rêu rành rành*), lần thứ hai khi nàng báo mộng cho Thuý Kiều (*gió đâu sịch bức màn màn*). *Gió* - Đạm Tiên mang hơi hướng tâm linh, mơ hồ, nửa thực nửa hư, là cơn gió mang theo linh hồn cô độc, oan khuất, không thể siêu thoát của nàng.

Cả Kim Trọng, Mã Giám Sinh, Thúc Sinh và Từ Hải đều được miêu tả ít nhiều thông qua BT chứa *gió* hoặc *phong*:

+ Kim Trọng: *Đề huê lưng túi gió trăng*

+ Mã Giám Sinh: *Vẫn là một đứa phong tình đã quen*

+ Thúc Sinh: *bốn mùa gió trăng*

+ Từ Hải: *Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi*

Tuy nhiên trong *Truyện Kiều*, nhân vật được miêu tả có vận mệnh ràng buộc với gió nhiều nhất là Thuý Kiều. Dù trong thực tế có hay không có mối tương quan giữa *Truyện Kiều* và *Kinh Dịch* thì sự thật là các bước đi của đời Kiều luôn xuất hiện gió:

+ Lúc chơi hội đạp thanh, giữa buổi xuân xanh của thiên nhiên đất trời và của đời nàng, vậy mà đã có *một vùng cỏ áy bóng tà - gió hiu hiu thổi một và bông lau* xuất hiện để rồi sau đó *phút đâu trận gió cuốn cờ đến* ngay như báo hiệu giông bão sắp nổi lên.

+ Đêm đính ước với chàng Kim có *gió mát trăng trong* làm chứng.

+ Khi nàng theo Mã Giám Sinh bước chân vào đoạn trường thì *đùng đùng gió giục mây vần - một xe trong cõi hồng trần như bay*.

+ Ở lầu Ngưng Bích, nàng phải *buồn trông gió cuốn mặt duềnh*.

+ Bị Sở Khanh lừa tình giữa một *đêm thu khắc lậu canh tàn/ gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương*.

+ Ở cùng Thúc Sinh tại lầu xanh thì *khi gió gác, khi trăng sân/ bầu tiên chuốc rượu câu thần nổi thơ, lấy chàng Thúc thì vội vàng kiệu hoa cất gió đuốc hồng ruổi sao*. Áy vậy mà cũng không bắt kịp hạnh phúc xa vời để rồi kết thúc bằng ngọn lửa oan nghiệt của Hoạn Thư *gió cao ngọn lửa càng cao*.

+ Gặp Từ Hải giữa buổi *gió mát trăng thanh*.

+ Ở chùa cùng vãi Giác Duyên thì có *gió quang mây tạnh thành thời, gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng*.

Hơn thế nữa, Kiều còn là nhân vật hoá thân vào gió, theo cách này hay cách khác:

+ “Gió” mang theo “thể phách” của nàng nên giả dụ khi thác đi, linh hồn “*còn mang nặng lời thề*” của nàng cũng nương theo gió tìm về: *Trông ra ngọn cỏ lá cây/ thấy hiu hiu gió thì hay chị về*. Kim Trọng thương nhớ Kiều *vật mình vấy gió tuôn mưa* khi nghe tin nàng chết cũng trong khung cảnh phảng phất gió:

Bè bài rầu ri tiếng tơ

Trăm bay lạt khói gió đưa lay rèm

Tường như bên nóc bên thềm

Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng

Bời lòng tạc đá ghi vàng

Tường nàng nên lại thấy nàng về đây

+ Tài năng của Kiều cũng được Nguyễn Du miêu tả thông qua các BT chứa *gió*: tài thơ (*tay tiên gió tấp mưa sa*), tài đàn (*tiếng khoan như gió thoảng ngoài; một cung gió thắm mưa sâu...*)

+ Các BT chứa *gió* còn góp phần làm bộc lộ cá tính, phẩm chất của Thuý Kiều: lúc còn là một cô gái trong trắng thơ ngây lần đầu gặp Mã Giám Sinh thì *ngại ngùng gín gió e sương*; khi bị đẩy vào chốn bần nhơ lầu xanh thì nàng tự nhận *mặt sao dày gió dạn sương, bấy chầy gió tấp mưa sa...*

Nếu quả Thuý Kiều có mệnh là *gió*, thì khác với Đạm Tiên, “ngọn gió Thuý Kiều” là gió thực tại, cụ thể, sinh động và mang hơi thở của sự sống với tất cả các dạng thức tồn tại và cung bậc cương nhu vốn có của nó. Điều đó góp phần thể hiện tính chân thực của hình tượng nhân vật Thuý Kiều trong tác phẩm.

2.2.3. *Gió* - tham gia vào câu chuyện tình yêu và chuyện yêu đương

Trong việc góp mặt vào chuyện tình yêu của các nhân vật, vai trò của các BT chứa *gió* không rõ rệt bằng các BT chứa *trăng (nguyệt)*. Nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng, các BT chứa *gió* cũng đã được sử dụng như một kiểu diễn đạt tâm trạng nhân vật khi yêu với các cung bậc cảm xúc phong phú: Kim Trọng tương tư Kiều thì có: *mảnh tương phân phát gió đà/ hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình và gió chiều như giục cơn sầu*; khi cách trở không gặp được chàng Kim thì Thuý Kiều “đổ tội” cho gió (*gió bắt mưa cầm*); thương nhớ Kim Trọng thì nàng *ngĩ người ăn gió nằm mưa xót thắm*; Sở Khanh lừa tình Thuý Kiều thì bị thiên hạ *phao cho quuyến gió rui mây*;...

Cũng có không ít tác giả tác phẩm kể về câu chuyện muôn đời - chuyện tình yêu nam nữ nhưng Nguyễn Du có thể coi là một trong những tác giả đầu tiên của văn học Việt Nam đã dám đề cập một cách thẳng thắn tới chuyện yêu đương - chuyện tình dục - thông qua các BT chứa *gió* trong *Truyện Kiều*. Ông không mô tả, chỉ khái quát bằng hình ảnh ẩn dụ, nhưng người đọc vẫn cảm nhận đầy đủ nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật Thuý

Kiều trong đó. Bởi lẽ ở đây, nàng không tự nguyện dâng hiến với tất cả tình yêu và niềm đam mê mà nàng bị ép buộc, phải chịu đựng những đoạ đầy, dày vò về thể xác thì ít mà về tinh thần thì nhiều. Đầu tiên là Mã Giám Sinh dày vò Kiều: *Một cơn mưa gió nặng nề/ thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương* để đến nỗi một cô gái đức hạnh như Kiều cũng phải thốt lên nuối tiếc: *Vì ai ngăn đón gió đông/ thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi*; rồi đến cảnh nàng phải tiếp khách ở lầu xanh: *mưa gió dập đầu, dập đầu lá gió cành chim, đòi phen gió tựa hoa kè, thờ ơ gió trúc mưa mai*; tình yêu với Thúc Sinh cũng mang sắc dục: *ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng, trước còn trăng gió sau ra đá vàng,...*

Ở ý nghĩa này, các BT chứa *gió* đã vượt ra khỏi phạm vi diễn đạt tâm trạng quen thuộc của ngôn ngữ thiên nhiên *Truyện Kiều*.

2.2.4. *Gió* - đánh dấu các biến cố, tình huống truyện

Các BT chứa *gió* còn có ý nghĩa biểu trưng về các biến cố, tình huống xảy ra trong cuộc đời của các nhân vật. Điều đáng nói là, trong tổng số 17 lần xuất hiện với ý nghĩa này, không một lần nào *gió* biểu thị sắc thái tươi sáng, êm đềm của cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Chỉ thấy: *vạ gió tai bay bất kỳ* (chỉ việc gia biến), *gió mưa âu hắt tan tành nước non* (việc Vương ông tự sát), *sự đầu sóng gió bất kì* (chỉ việc gia biến khiến Kiều phải lìa thê với Kim Trọng), *khi gió kếp mưa đơn* (chỉ việc rủi ro khi chạy trốn cùng Sở Khanh), *phong ba* (chỉ việc Thúc ông nổi giận), *phong lôi*

nổi trận bời bời (chỉ việc quan phủ ra lệnh đánh Kiều), *sóng gió bất tình* (chỉ việc Hoạn Thư biết chuyện Kiều - Thúc), *một phen mưa gió tan tành một phen* (chỉ việc Hoạn Thư đánh ghen cho đốt nhà Thuý Kiều), *đòi cơn gió quét mưa sa* (chỉ việc Từ Hải xuất quân chiếm thành), *gió táp mưa sa* (chỉ việc Kiều phải lưu lạc 15 năm),... Đó là những trận gió lớn, những cơn giông bão liên tiếp quét ngang đời Kiều, khiến nàng phải lưu lạc, bị xô đẩy, trôi dạt đến nơi vô định. *Gió* ở đây cũng là hiện thân của tai họa, của đại nạn, thổi từ muôn hướng khiến cho nàng chịu hết nạn nọ đến nạn kia/ thanh lâu hai lượt thanh y hai lần.

2.2.5. *Gió* Cuộc đời

Ở phương diện nghĩa biểu trưng này, chỉ có 3 BT được sử dụng trong 7 lần: 1 BT chứa *gió* và cũng chỉ được dùng một lần trong mỗi tương ứng, sóng đôi với hình ảnh *chiếc bách giữa dòng* biểu thị thân phận con người (*chẳng hơn chiếc bách giữa dòng/ e dè sóng gió hãi hùng có hoa*); 2 BT chứa *phong* (*phong trần, phong ba*) được dùng 6 lần để chỉ cuộc đời nói chung, chỉ cõi nhân thế đầy bất an, bất trắc trong *Truyện Kiều*. Trong đó: 3 lần *phong trần* là danh từ được dùng kèm với danh từ chỉ khái niệm trừu tượng *kiếp* (*kiếp phong trần - phong trần kiếp*); còn lại 3 lần dùng độc lập. *Kiếp phong trần* hay *phong trần, phong ba* là BT biểu trưng cho kiếp người sống trong cuộc đời đầy "gió bụi", "sóng gió", nghèo hèn, long đong, vất vả. Cũng có khi *phong trần* được dùng như một từ chỉ trạng thái hay tính chất "lâm bụi" (đối lập với *thanh cao*):

+ *Tiếc thay trong giá trắng ngần/
Đến phong trần cũng phong trần như ai*

+ *Bất phong trần phải phong trần/
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Giữa chốn trần ai mệnh mông mà lắm gian truân ấy, thân phận con người chỉ nhỏ nhoi, mong manh như *chút thân bọt bèo, liễu yếu thơ đào, thân lạc loài, chút phận hoa rơi, phận mỏng cánh chuồn, hoa trôi nước chảy, hoa trôi giữa dòng...* thì làm sao có thể chống đỡ nổi sóng to gió lớn của cuộc đời, sao không phải chịu cảnh lưu lạc tha hương cho được?!

Ý nghĩa biểu trưng biểu thị cuộc đời mang màu sắc nhân sinh quan của tác giả nên được diễn đạt chủ yếu thông qua các BT chứa yếu tố Hán Việt (*phong*) bởi sắc thái trang trọng, giàu tính khái quát, triết lí của nhóm từ này. Ở điểm này, thật khó có thể dùng một từ thuần Việt hay một BT toàn các từ thuần Việt để diễn tả thay thế mà vẫn đầy đủ ý niệm về *kiếp phong trần* hay cái “chất” *phong trần* được.

3. Lời kết

Với các ý nghĩa biểu trưng *phong* phú kể trên, các BT chứa *gió/ phong*

đã góp phần không nhỏ tạo nên thi pháp *Truyện Kiều* và phong cách Nguyễn Du. Đặt trong mối tương quan với các tín hiệu thẩm mĩ khác trong *Truyện Kiều* như: *trăng (nguyệt), hoa, cỏ, số, kiếp, thân, phận...*, các BT chứa *gió (phong)* vẫn có sức gợi mở nhiều tầng nghĩa, nhiều ý nghĩa biểu trưng phong phú và độc đáo riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, Từ điển *Truyện Kiều*, Nxb KHXH, H., 1974.
2. Đỗ Hữu Châu, Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb GD, H., 2001.
3. Lê Xuân Lít, Tìm hiểu từ ngữ *Truyện Kiều*, Nxb ĐHQG, Tp Hồ Chí Minh, 2000.
4. Phan Ngọc, Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, Nxb Lao động, H., 2009.
5. Trần Đình Sử, Thi pháp *Truyện Kiều*, Nxb GD, H., 2001.
6. <http://vietbao.vn/Trang-ban-doc/Tuong-quan-giua-truyen-kiem-va-kinh-dich/45141148/478>